

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HSST
Ngày 07/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

+ Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HS, ngày 22/3/2023 đối với bị cáo:

Võ Thùy D, sinh năm 1992 tại Gia Lai; Căn cước công dân số 0641920124AA, do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 28/6/2021; Trú tại: Hẻm 25 Nguyễn Viết X, tổ B, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T (Đã chết) và bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1967; có chồng là Nguyễn Lê T, sinh năm 1990 (Đã ly hôn) và 03 người con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

-Người bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Ia B, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Khôi Z, xã Ia T, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thùy D là người không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên D nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) để lừa bán cho người khác. Qua tìm hiểu trên mạng xã hội, D thấy có người (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) rao bán 01 lô đất ở làng N, phường Trà B, TP.P, tỉnh Gia Lai, nên D gọi điện thoại cho người này giả vờ hỏi mua đất, đồng thời yêu cầu chụp GCNQSDĐ gửi qua ứng dụng Messenger cho D xem. Sau khi có được hình chụp GCNQSDĐ số CN124618, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2021 của thửa đất trên, vào khoảng đầu tháng 4/2022, D lên mạng xã hội Facebook tìm thì thấy có đối tượng (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) nhận làm GCNQSDĐ giả; D cung cấp thông tin cá nhân của D kèm theo hình ảnh GCNQSDĐ số CN124618, thông tin của lô đất tại làng N, phường Trà B, TP.P nêu trên qua ứng dụng Messenger và thuê đối tượng làm GCNQSDĐ giả đứng tên chủ đất là D. Sau khi đặt làm GCNQSDĐ giả như trên, D liên lạc nhờ bà Nguyễn Thị N giới thiệu để D sang nhượng quyền sử dụng 01 lô đất tại làng N, phường Trà B, TP.P, nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của người nhận sang nhượng. Bà N tin tưởng là D có đất cần sang nhượng, nên giới thiệu cho ông Trần Văn C đến mua. Sáng ngày 20/4/2022, bà N gọi điện thoại thông báo là sẽ dẫn người mua đất đến gặp D, nếu được thì D và người này tiến hành việc mua bán; D đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 20/4/2022, D nhận được điện thoại của một đối tượng (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) hẹn đến khu vực gần ngã tư trường Trung cấp Lâm nghiệp, phường Trà B, TP.P để nhận bưu phẩm. D biết đó là GCNQSDĐ giả mà mình đã đặt làm, nên đến điểm hẹn nhận gói bưu phẩm và trả cho người này 8.000.000 đồng, là tiền công làm GCNQSDĐ giả mà D đã thỏa thuận từ trước. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bà N dẫn ông C đến gặp D tại quán cà phê M (ở đường Nguyễn Tất T, phường Phù Đ, TP.P) để thỏa thuận việc mua bán đất. D đưa cho ông C xem GCNQSDĐ số CN124618, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2021, đứng tên Võ Thùy D, vị trí đất tại làng N, phường Trà B, TP.P, là GCN giả mà D vừa nhận được trước đó. Ông C yêu cầu D dẫn đi xem đất, thì D giả vờ dẫn ông C đến làng N, phường Trà B, TP.P và chỉ cho ông C xem lô đất của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1984, trú Thôn 09, xã Cư N, huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk) làm chủ. Sau khi xem lô đất do D chỉ xong, ông C tin tưởng là đất của D nên đồng ý mua với giá 600.000.000 đồng; ông C sẽ trả trước cho D 300.000.000đ và giữ GCNQSDĐ số CN124618 của D; số tiền còn lại ông C sẽ trả đủ khi D làm xong thủ tục sang tên cho ông C, thì D đồng ý. Đến ngày 05/5/2022, tại quán cà phê M, D viết giấy sang nhượng lô đất theo GCNQSDĐ số CN124618 cho ông Trần Văn C và giả vờ hẹn 01 tuần sau D sẽ làm xong thủ tục sang tên cho ông C. D giao cho ông C GCNQSDĐ số CN124618 giả đứng tên D cùng với 01 bản photo Căn cước công dân của D và nhận của ông C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Số tiền nhận của ông C, sau đó D sử dụng tiêu xài cá nhân. Đối với ông C, sau khi giao số tiền 300.000.000đ cho D, thì thấy D trốn tránh, không làm thủ tục sang tên lô đất cho mình như đã hứa, ông C nghi ngờ D lừa đảo nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P trình báo. Ông C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) GCNQSDĐ số CN124618, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày

24/8/2021, đứng tên Võ Thùy D và 01 (một) giấy viết tay sang nhượng đất đề ngày 05/5/2022 do D viết.

Qua trung cầu giám định, xác định: GCNQSDĐ số CN124618 đứng tên Võ Thùy D do ông Trần Văn C giao nộp là giả; chữ viết, chữ ký trên giấy viết tay sang nhượng đất đề ngày 05/5/2022, là do Võ Thùy D viết ra. Sau khi trung cầu giám định, Cơ quan điều tra lưu giữ các giấy tờ trên vào hồ sơ vụ án.

Sau khi tiếp nhận nội dung trình báo, tổ giám của ông Trần Văn C, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Võ Thùy D, thì D đã khai nhận toàn bộ hành vi thuê người làm giả GCNQSDĐ số CN124618 đứng tên D và sử dụng GCN giả trên giả vờ sang nhượng để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) của ông C. Đối với điện thoại di động D đã dùng để đăng nhập vào mạng xã hội Facebook, ứng dụng Messenger, liên lạc thuê người làm giả GCNQSDĐ và liên lạc với bà Nguyễn Thị N để giả vờ nhờ bán đất, quá trình điều tra D khai điện thoại trên hiệu Samsung Galaxy và sau đó D đã làm mất, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 06/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Võ Thùy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thùy D từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thùy D từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 10 năm đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 115.000.000đ.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin cảm ơn người bị hại anh Trần Văn C và xin cảm ơn chị Nguyễn Thị N, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm trở về với cộng đồng,

chăm lo cuộc sống cho các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Thùy D tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên Võ Thùy D nảy sinh ý định thuê người làm giả GCNQSDĐ và sử dụng GCNQSDĐ giả để giả vờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhằm chiếm đoạt tiền của người nhận chuyển nhượng đất. Thông qua mạng xã hội Facebook, ứng dụng Messenger, D liên lạc và thuê một đối tượng (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) làm giả GCNQSDĐ số CN124618, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2021, đứng tên Võ Thùy D, vị trí đất tại làng N, phường Trà B, TP.P, tỉnh Gia Lai. Ngày 20/4/2022, D nhận được GCNQSDĐ số CN124618 giả và cho ông Trần Văn C xem đồng thời giả vờ dẫn ông C đi xem đất, để lừa chuyển nhượng lô đất trên nhằm chiếm đoạt tiền của ông C. Tiếp đó, ngày 05/5/2022, tại quán cà phê M, đường Nguyễn Tất T, phường Phù Đ, TP.P, D giả vờ viết giấy bán đất cho ông C, giao cho ông C giữ GCNQSDĐ số CN124618 giả cùng với bản photô Căn cước công dân của D, để chiếm đoạt của ông C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

[2] Hành vi thuê người khác làm giả GCNQSDĐ, sau đó sử dụng GCNQSDĐ giả để giả vờ sang nhượng quyền sử dụng đất và chiếm đoạt tiền của người khác, do bị cáo Võ Thùy D đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, trật tự trị an xã hội. Bị cáo Võ Thùy D là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên hành vi của bị cáo đã phạm vào các tội: *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* và *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* được quy định tại các Điều 341, 174 Bộ luật Hình sự. Số tiền bị cáo D chiếm đoạt của người bị hại Trần Văn C là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), nên hành vi lừa đảo của bị cáo D đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: *“Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”*, được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đây là tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo D sử dụng tài liệu giả để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, nên hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả của bị cáo D đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: *“Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”*, được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Võ Thùy D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại được số tiền

185.000.000đ, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, HĐXX xét thấy bị cáo là nữ đã ly hôn một mình nuôi ba con nhỏ, trong đó đang nuôi một con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với cả hai tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51, nên HĐXX sẽ xem xét, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; Khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có tài sản, hành vi phạm tội không liên quan đến chức vụ, công việc nhất định. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị N, là người giới thiệu để ông Trần Văn C đến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bị cáo Võ Thùy D và sau đó ông C bị D chiếm đoạt tiền, qua điều tra xác định: Bà N hoàn toàn không biết việc D thuê người làm GCNQSDĐ giả, cũng như việc D sẽ dùng GCNQSDĐ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông C; bản thân bà N cũng bị D lừa dối và bà N không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu để ông C đến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của D. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà N về hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo D trong vụ án này, là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Võ Thùy D đã bồi thường cho ông Trần Văn C số tiền 185.000.000đ. Người bị hại Trần Văn C yêu cầu bị cáo D tiếp tục bồi thường số tiền 115.000.000đ. Xét thấy yêu cầu này là chính đáng, hợp pháp, có căn cứ cần buộc bị cáo Võ Thùy D phải bồi thường cho người bị hại theo quy định tại Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự và Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo trả cho bị hại theo phương thức trả hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ, kể từ ngày 01/5/2023 cho đến khi trả đủ số tiền 115.000.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Về vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy viết tay sang nhượng đất, đề ngày 05/5/2022 đã được thu thập trong quá trình điều tra, đây là các chứng cứ làm căn cứ kết tội đối với bị cáo được lưu trữ cùng hồ sơ vụ án, nên HĐXX không xử lý, đề cập đến trong phần quyết định.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Võ Thùy D** phạm tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*** và tội ***“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”***.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Thùy D 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Thùy D 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Võ Thùy D chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Võ Thùy D và bị hại Trần Văn C bồi thường số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Bị cáo Võ Thùy D sẽ trả cho bị hại Trần Văn C mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ ngày 01/5/2023 cho đến khi đủ số tiền 115.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

-Buộc bị cáo Võ Thùy D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

-Buộc bị cáo Võ Thùy D phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Sở tư pháp;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Thi hành án Dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến